

Số: 1233 /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 27 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, thủy sản trọng điểm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia An toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 2374/QĐ-BNN-QLCL ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Đề án tăng cường quản lý chất lượng nông lâm thủy sản đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đến năm 2015, định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 292/TTr-SNN ngày 30 tháng 6 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, thủy sản trọng điểm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Bí thư Tỉnh đoàn; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Các Bộ: NN&PTNT, YT;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Thường trực BCD liên ngành về VSATTP (QĐ 597/QĐ-UBND);
- CVP, các PCVP.UBND tỉnh;
- Báo, Đài PT&TH TV;
- Chi cục QLCL NLTS TV;
- Các PNC, TT. TH - CB;
- Lưu: VT, NN. 34 bản

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Kim Ngọc Thái

CHƯƠNG TRÌNH

**Quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, thủy sản trọng điểm
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

Phần I

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM NÔNG, THỦY SẢN GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

I. HỆ THỐNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ

1. Hệ thống cơ quan quản lý

Chi cục Quản lý chất lượng Nông - Lâm - Thủy sản (NLTS) thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm (ATTP) nông, thủy sản; tổ chức kiểm tra chứng nhận điều kiện ATTP trong sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản; thu mẫu phân tích, kiểm nghiệm chất độc hại; điều tra truy xuất nguyên nhân và khắc phục sự cố về ATTP nông, thủy sản. Cùng tham gia hoạt động quản lý công tác này có các đơn vị như: Chi cục Thú y, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (BVTV), Chi cục Nuôi trồng thủy sản và Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Việc phân công này bao quát toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, thủy sản, tạo sự gắn kết công tác quản lý chất lượng và tổ chức sản xuất theo từng ngành hàng, cụ thể là:

- Trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y: Chi cục Thú y là cơ quan trực tiếp quản lý thức ăn, thuốc thú y, kiểm soát toàn bộ quá trình chăn nuôi, giết mổ, sơ chế gia súc, gia cầm và các sản phẩm gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong chăn nuôi. Hệ thống quản lý có 8 Trạm Thú y tại các huyện, thành phố; tại xã, phường, thị trấn có cán bộ thú y cấp xã.

- Trong lĩnh vực trồng trọt và BVTV: Chi cục Trồng trọt và BVTV là đơn vị thực hiện quản lý, kiểm soát phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, quá trình trồng trọt và các sản phẩm từ trồng trọt; hướng dẫn áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong trồng trọt. Hệ thống quản lý có 7 Trạm đặt tại 7 huyện trong tỉnh.

- Trong lĩnh vực thủy sản: Chi cục Nuôi trồng thủy sản là đơn vị thực hiện quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, thức ăn, thuốc, hóa

chất, chế phẩm sinh học dùng trong nuôi trồng thủy sản. Hệ thống quản lý có 2 Trạm kiểm dịch giống thủy sản đặt tại huyện: Duyên Hải, Châu Thành.

- Hệ thống quản lý Thanh tra chuyên ngành: Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, điều hành thanh tra chuyên ngành của các Chi cục thuộc Sở hoặc Thanh tra chuyên ngành tại các Chi cục tổ chức thanh, kiểm tra theo thẩm quyền, cơ bản thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra xử lý các vi phạm về chất lượng, ATTP nông, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2. Hoạt động quản lý chất lượng và ATTP nông, thủy sản

a) Quản lý chất lượng ATTP nông, thủy sản

- Đối với sản phẩm chăn nuôi: Kiểm soát dư lượng các chất độc hại trong sản phẩm chăn nuôi (thịt heo, bò, gà,...) trên địa bàn tỉnh được triển khai, kết quả giám sát cho thấy các mẫu chưa đạt yêu cầu còn cao, trong đó: 1/16 mẫu thịt bò nhiễm hàn the (chiếm 6,25%), 12/17 mẫu thịt heo nhiễm Samonella (chiếm 70,59%), 2/17 mẫu thịt gà nhiễm Chloramphenicol (chiếm 11,76%).

- Đối với sản phẩm trồng trọt: Kết quả thu mẫu giám sát chất lượng đối với sản phẩm trồng trọt (rau, củ,...) sản xuất và tiêu thụ trên thị trường cho thấy các sản phẩm rau còn dư lượng phân bón (Nitrate) còn tương đối cao với 45/84 mẫu nhiễm (chiếm 53,57%), riêng chất tẩy trắng cũng được phát hiện có trong mẫu giá đỗ với 2/3 mẫu (chiếm 25%).

- Đối với sản phẩm thủy sản:

+ Đối với nhuyễn thể 2 mảnh vỏ (nghêu): Thực hiện với các nhóm chỉ tiêu được kiểm soát như tảo độc, độc tố sinh học biển, vi sinh vật gây bệnh, dư lượng kim loại nặng, dư lượng thuốc trừ sâu gốc chlore hữu cơ, vàng dầu mỡ,... kết quả giám sát cho thấy các mẫu đều đạt yêu cầu, chỉ có 1/225 mẫu không đạt do nhiễm kim loại nặng Cadimi (Cd). Riêng, dư lượng các chất độc hại trong sản phẩm thủy sản nuôi, chủ yếu đối với cá tra và tôm sú phát hiện 12/304 mẫu không đạt (chiếm 3,95%) chủ yếu tồn dư kháng sinh cấm sử dụng.

+ Đối với thủy sản có nguồn gốc từ khai thác biển, thủy sản khô các loại: kết quả giám sát cho thấy nhiều mẫu không bảo đảm ATTP (50/245 mẫu, chiếm 20%), trong đó: 12/124 mẫu bị nhiễm Chloramphenicol (chiếm 9,68%), 21/42 mẫu thủy sản khô nhiễm Trichloforon (chiếm 50%) và 17/79 mẫu nhiễm hàn the (chiếm 21,52%).

b) Về áp dụng quy chuẩn kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản

- Lĩnh vực trồng trọt: Xây dựng được 25 mô hình cánh đồng mẫu lớn với diện tích 4.220 ha áp dụng quy trình sản xuất lúa chất lượng cao, trong đó có 100 ha được chứng nhận VietGAP; hỗ trợ nông dân xây dựng và chứng nhận đủ điều kiện trồng rau an toàn cho 23 tổ hợp tác với diện tích sản xuất 95,30 ha. Đối với trồng cây ăn quả có 5 Hợp Tác xã (HTX) được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp chứng nhận nhãn hiệu gồm: HTX Thanh long ruột đỏ, xã Đức Mỹ, HTX Quýt đường Thuận Phú, xã Bình phú, HTX Xoài Châu nghệ, xã Nhị

Long, thuộc huyện Càng Long; HTX Măng cụt Tân Thành, xã An Phú Tân, HTX Dừa sấp, xã Hòa Tân thuộc huyện Cầu Kè. Đến nay, có 3 HTX được chứng nhận VietGAP là HTX Thanh long ruột đỏ, diện tích 34 ha; HTX Quýt đường, diện tích 13 ha và HTX Măng cụt, diện tích 89,33 ha.

- Lĩnh vực chăn nuôi: Đối với chăn nuôi gia súc, gia cầm chủ yếu với qui mô nhỏ lẻ, đa số chưa áp dụng quy chuẩn ATTP trong quá trình sản xuất.

- Lĩnh vực nuôi thủy sản: Tất cả HTX, Tổ hợp tác (THT) nuôi nghêu ven biển được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp chứng nhận nhãn hiệu Nghêu Trà Vinh; Nuôi cá tra có 2 doanh nghiệp và 01 THT chứng nhận đạt tiêu chuẩn ASC diện tích 43 ha, đạt tiêu chuẩn Global G.A.P diện tích 101,33 ha. Đối với nuôi tôm sú, tôm chân trắng, cá lóc,... người nuôi có ứng dụng quy trình nuôi tiên tiến nhưng chưa được chứng nhận VietGAP hay Global G.A.P...

c) Kiểm tra, đánh giá phân loại cơ sở cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và điều kiện ATTP nông, thủy sản

Tỉnh hiện có 1.745 cơ sở hoạt động, đến nay đã kiểm tra, đánh giá xếp loại xong 1.544/1.745 cơ sở và 143/424 chiếc tàu khai thác hải sản. Kết quả cho thấy còn nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa đạt điều kiện về chất lượng và điều kiện ATTP, cụ thể: xếp loại loại A: 542 cơ sở, loại B: 615 cơ sở, loại C: 387 cơ sở và 143 tàu cá chỉ đạt loại B. Đặc biệt trong giết mổ gia súc, gia cầm có tới 107/114 cơ sở xếp loại C (chiếm 93,86%).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ ATTP GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

Giai đoạn 2010 - 2015, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) về an toàn thực phẩm đã xây dựng và phê duyệt triển khai thực hiện dự án về ATTP nông, thủy sản với tổng kinh phí là 2.876 triệu đồng. Kết quả triển khai thực hiện các hoạt động như sau:

Thực hiện 182 lớp tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, các quy định, tiêu chuẩn về ATTP nông, thủy sản cho cán bộ quản lý Nhà nước cấp huyện, xã và người tiêu dùng trong tỉnh, có 7.083 lượt người tham dự.

Tập huấn chuyên ngành về điều kiện ATTP, thực hành sản xuất tốt, chương trình quản lý tiên tiến (GMP, SSOP, HACCP,...) cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, thủy sản, kết quả tổ chức 14 lớp với 620 lượt người tham dự.

Lắp đặt 60 cụm Pano tuyên truyền về ATTP nông, thủy sản ở các khu vực công cộng, khu đông dân cư, khu vực các chợ trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, thủy sản thực hiện các tiêu chí về điều kiện ATTP. Trong đó lĩnh vực thủy sản có 15 cơ sở thu mua, bảo quản và sơ chế, chế biến thủy sản và 2 tàu cá được cải hoán hầm tàu bảo quản thủy sản theo công nghệ PU (Polyurethane); lĩnh vực nông sản có 16 THT trồng rau an toàn, 04 cơ sở sơ chế rau an toàn và 03 quầy kinh doanh rau an toàn được hỗ trợ các trang thiết bị và dụng cụ cần thiết. Đồng thời, thực hiện

thu 129 mẫu vệ sinh công nghiệp và sản phẩm nông, thủy sản để giám sát chất lượng và ATTP để hỗ trợ các cơ sở nêu trên.

Tổ chức 3 đợt tham quan học tập kinh nghiệm quản lý, tổ chức sản xuất, mô hình sản xuất ATTP ở các tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Lâm Đồng và Kiên Giang cho cán bộ quản lý và người sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, thủy sản, kết quả có 44 lượt người tham dự.

Nhìn chung, dự án được triển khai bước đầu đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, thủy sản, tạo ra nguyên liệu bảo đảm ATTP phục vụ người tiêu dùng và chế biến xuất khẩu.

III. NHỮNG TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN CHỦ YẾU

Bên cạnh các kết quả đạt được, cũng còn một số hạn chế, yếu kém trong thực hành sản xuất nông, thủy sản (sản xuất thường tập trung chủ yếu vào số lượng, chưa chú trọng nhiều đến chất lượng sản phẩm); việc áp dụng các quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAP, VietGAP,...) trong quá trình sản xuất, kinh doanh từ trang trại đến bàn ăn còn rất hạn chế,... Trong khi, các hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra quá trình sản xuất, kinh doanh do các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan chưa được duy trì thường xuyên, dẫn đến tỷ lệ các sản phẩm nông, thủy sản chưa đảm bảo ATTP còn cao. Kết quả thu mẫu để giám sát chất lượng sản phẩm nông, thủy sản sau thu hoạch tại các chợ và các vùng sản xuất trên địa bàn tỉnh cho thấy nhiều mẫu không bảo đảm chất lượng, có khả năng gây ảnh hưởng sức khỏe người tiêu dùng và giảm năng lực cạnh tranh trên thị trường. Do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

1. Đa số các cơ sở hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, thủy sản trên địa bàn tỉnh thuộc dạng quy mô nhỏ, manh mún và tập quán sản xuất lạc hậu; nhận thức về ATTP còn thấp do đó gây khó khăn cho việc áp dụng các kỹ thuật sản xuất mới, quy trình thực hành sản xuất tốt và công tác quản lý ATTP.

2. Cơ chế, chính sách khuyến khích sản xuất an toàn của Nhà nước được xây dựng, chưa triển khai rộng khắp trong thực tế. Trong khi điều kiện, khả năng tài chính của người dân hạn chế gây khó khăn trong đầu tư, áp dụng quy chuẩn kỹ thuật ATTP vào sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, công tác chỉ đạo triển khai tại địa phương chưa được quan tâm đúng mức.

3. Công tác quy hoạch vùng sản xuất rau, quả an toàn; cơ sở chăn nuôi, giết mổ tập trung còn chậm. Hoạt động giết mổ nhỏ lẻ không đảm bảo vệ sinh ATTP, cũng như sản xuất rau, quả không an toàn còn phổ biến.

4. Công tác phổ biến, giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật về ATTP trong sản xuất, kinh doanh chưa được sâu rộng. Các kênh thông tin, truyền thông về ATTP chưa phong phú, đa dạng.

5. Do kinh phí hạn chế nên việc thu mẫu phân tích, kiểm nghiệm, giám sát chất lượng ATTP sản phẩm nông, thủy sản để hướng dẫn, cảnh báo cho

người sản xuất và tiêu dùng quá ít so với đa dạng mặt hàng nông, thủy sản sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

6. Hệ thống tổ chức quản lý còn phân tán, chưa được kiện toàn, hoàn thiện, đặc biệt tại cấp huyện, xã; sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong quản lý còn hạn chế, hiệu quả chưa cao.

Phần II

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM NÔNG, THỦY SẢN TRỌNG ĐIỂM TỈNH TRÀ VINH ĐẾN NĂM 2020

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành;
- Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia An toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030;
- Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;
- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;
- Thông tư số 74/2011/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm nông lâm sản không đảm bảo an toàn;
- Thông tư số 03/2011/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về truy xuất nguồn gốc và thu hồi sản phẩm không đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực thủy sản;
- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm;
- Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện bảo đảm

an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ;

- Thông tư số 05/2010/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc kiểm tra, giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm nông sản trước khi đưa ra thị trường;

- Thông tư số 61/2012/TT-BNNPTNT ngày 13 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc giám sát an toàn thực phẩm thủy sản sau thu hoạch;

- Thông tư liên tịch số 14/2015/TT-BNNPTNT-BNV ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

- Quyết định số 2374/QĐ-BNN-QLCL ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Đề án tăng cường quản lý chất lượng nông lâm thủy sản đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đến năm 2015, định hướng đến năm 2020;

- Quyết định số 3073/QĐ-BNN-QLCL ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án „xây dựng và phát triển mô hình chuỗi cung cấp thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên phạm vi toàn quốc”;

- Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Trà Vinh;

- Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh công tác chỉ đạo, điều hành năm 2014 Chương trình công tác năm 2015,

II. ĐỊNH HƯỚNG

1. Bảo đảm ATTP nông, thủy sản cần được thực hiện toàn diện, xuyên suốt theo chuỗi cung cấp thực phẩm “từ trang trại đến bàn ăn” trên cơ sở từng bước áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến (VietGAP, GMP, HACCP,...) trong sản xuất, chế biến, phân phối, kinh doanh sản phẩm.

2. Công tác thông tin, giáo dục, truyền thông, hướng dẫn, phổ biến việc chấp hành pháp luật về ATTP nông, thủy sản là giải pháp cơ bản, trọng tâm, đi trước một bước trong các hoạt động bảo đảm ATTP. Nâng cao nhận thức, trách

nhiệm và đạo đức của mỗi người sản xuất, kinh doanh thực phẩm là yếu tố nền tảng đảm bảo hiệu quả công tác này.

3. Tăng cường và chủ động trong hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành theo kế hoạch hoặc đột xuất về chất lượng, ATTP nông, thủy sản; kịp thời xử lý những hành vi vi phạm để răn đe; tổ chức đánh giá, cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin ATTP cho người tiêu dùng, tránh để người dân thiếu thông tin dẫn đến hiểu lầm, hoang mang.

III. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Đối với sản phẩm: Các sản phẩm nông, thủy sản như: lúa, thịt gia súc, gia cầm, rau, củ, quả thiết yếu trong tiêu dùng, tôm sú, tôm chân trắng, cá lóc, ngêu, các loại tôm, cá khai thác biển và các sản phẩm nông, thủy sản khác.

2. Đối tượng sản xuất, kinh doanh: Các tổ chức, cá nhân tham gia công đoạn sản xuất, kinh doanh theo chuỗi trồng trọt, chăn nuôi, sơ chế, giết mổ, đóng gói, bảo quản, vận chuyển và kinh doanh.

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về ATTP trong thực hành sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, thủy sản nhằm tạo ra sản phẩm nông, thủy sản chất lượng và ATTP, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng, đáp ứng yêu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- Hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy và đầu tư năng lực cho cơ quan quản lý nhà nước về ATTP nông, thủy sản cấp tỉnh, huyện, xã trong tỉnh.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền kiến thức pháp luật ATTP đạt 100% đối với cán bộ quản lý, từ 80% trở lên các thành phần kinh tế và nhân dân được nhận thức và thực hành sản xuất, kinh doanh ATTP.

- 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản đạt điều kiện ATTP; 100% vùng nuôi thủy sản tập trung đạt tiêu chuẩn ATTP..., các vùng nuôi còn lại được giám sát dư lượng hóa chất, kháng sinh; 100% hộ gia đình, các tổ chức kinh tế nuôi gia súc, gia cầm quy mô từ trang trại trở lên đạt điều kiện ATTP, 45% diện tích trồng rau, quả đạt tiêu chuẩn ATTP; 100% cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm đạt điều kiện ATTP; 100% hộ sản xuất ban đầu nhỏ lẻ cam kết thực hiện điều kiện ATTP.

- Xây dựng và thực hiện thí điểm ít nhất 3 mô hình sản xuất ban đầu nông, thủy sản theo hướng thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) để nhân rộng.

V. NỘI DUNG

1. Tuyên truyền giáo dục pháp luật về ATTP trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, thủy sản

- Tuyên truyền, đào tạo tập huấn kiến thức về ATTP sản phẩm nông, thủy sản cho cán bộ địa phương, các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, thủy sản và người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh. Dự kiến thực hiện mỗi năm 60 lớp.

- Xây dựng và sửa chữa các Panô với nội dung tuyên truyền phổ biến kiến thức về ATTP nông, thủy sản tại các khu vực công cộng và khu đông dân cư. Dự kiến mỗi năm lắp đặt 20 cái.

- Xây dựng phóng sự tuyên truyền về ATTP nông, thủy sản phát trên Đài Phát thanh và Truyền hình. Dự kiến mỗi năm thực hiện 4 phóng sự.

- Xây dựng chuyên mục thông tin cảnh báo kết quả thu mẫu kiểm nghiệm giám sát chất lượng và ATTP phát trên Đài Phát thanh và Truyền hình. Thực hiện mỗi tháng 1 lần.

2. Kiểm soát chuỗi ATTP trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, thủy sản: Thu mẫu sản phẩm nông, thủy sản tại các vùng sản xuất, các chợ, cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến, kinh doanh sản phẩm nông, thủy sản để phân tích, kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP như dư lượng các loại hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng, vi sinh vật gây bệnh để thông tin, cảnh báo kịp thời cho người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng nhằm xây dựng hệ thống giám sát, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành ATTP để xác định các điểm trọng yếu nguy cơ về ATTP, có biện pháp kiểm soát phù hợp, góp phần cải thiện chất lượng, ATTP nông, thủy sản. Các hoạt động chính như sau:

- Hoạt động thu mẫu sản phẩm nông, thủy sản để phân tích, kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất lượng, ATTP. Dự kiến thực hiện 300 mẫu/năm, trong đó:

+ Lĩnh vực thủy sản thu 150 mẫu/năm: Đối với sản phẩm có nguồn gốc từ nuôi trồng (tôm sú, cá tra, cá lóc,...) thu 50 mẫu/năm; đối với sản phẩm có nguồn gốc từ khai thác tự nhiên (nghêu, cá biển, mực các loại,...) thu 50 mẫu/năm; đối với sản phẩm sơ chế, chế biến (chả cá, sản phẩm cá khô các loại,...) thu 50 mẫu/năm.

+ Lĩnh vực nông sản thu 150 mẫu/năm: Đối với sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật (rau, củ quả các loại) thu 50 mẫu/năm; đối với sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (thịt gia súc, gia cầm) thu 50 mẫu/năm; đối với sản phẩm sơ chế, chế biến (pa-tê, chả lụa, trà, cà phê...) thu 50 mẫu/năm.

- Hoạt động kiểm tra, đánh giá phân loại điều kiện ATTP cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, thủy sản; truy xuất các sản phẩm không ATTP và hướng dẫn biện pháp khắc phục hoặc xử lý vi phạm theo quy định. Dự kiến thực hiện 200 cơ sở/năm.

- Hoạt động thanh tra chuyên ngành ATTP nông, thủy sản bao gồm thanh tra theo kế hoạch và đột xuất các cơ sở sản xuất, kinh doanh có mẫu sản phẩm không đảm bảo chất lượng, ATTP và các cơ sở không đạt điều kiện ATTP; truy xuất nguyên nhân, cảnh báo, theo dõi khắc phục sai lỗi của cơ sở sản xuất, kinh doanh và xử phạt theo quy định. Dự kiến mỗi năm thực hiện 20 cuộc thanh tra theo kế hoạch và 10 cuộc thanh tra đột xuất.

3. Xây dựng mô hình sản xuất nông, thủy sản theo hướng thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP)

Xây dựng thí điểm 03 mô hình sản xuất nông, thủy sản theo hướng thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) (1 mô hình nuôi thủy sản, 1 mô hình trồng trọt và 1 mô hình chăn nuôi); sản phẩm từ các mô hình trên đảm bảo chất lượng và ATTP, nâng cao giá trị sản phẩm và có tính cạnh tranh trên thị trường. Các hoạt động chính như sau:

- Khảo sát, đánh giá lựa chọn các tác nhân tham gia mô hình thí điểm theo các tiêu chí ATTP. Đánh giá, đề xuất các giải pháp nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tối thiểu về điều kiện ATTP theo quy định.

- Đào tạo kiến thức chung về ATTP, áp dụng các quy trình thực hành sản xuất (VietGAP), chương trình quản lý chất lượng tiên tiến (GMP, HACCP). Xây dựng hệ thống chất lượng cho các đối tượng tham gia mô hình (mục tiêu, chính sách quản lý chất lượng, các quy trình chuẩn, biểu mẫu ghi chép theo VietGAP, GMP, HACCP).

- Tập huấn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng cho các đối tượng tham gia mô hình và hướng dẫn tại hiện trường, khắc phục các tồn tại.

- Tham quan học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất, kinh doanh ATTP.

- Lấy mẫu, kiểm nghiệm, đánh giá và chứng nhận.

- Hội thảo, tổng kết đánh giá kết quả và hiệu quả của mô hình làm cơ sở khoa học, thực tiễn để nhân rộng mô hình (*Chi tiết theo phụ lục 3 đính kèm*).

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nhu cầu kinh phí thực hiện chương trình: Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình giai đoạn 2016 - 2020 là 5.238.550.000 đồng (Năm tỷ, hai trăm ba mươi tám triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng), cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Nội dung các hoạt động | Năm kinh phí | | | | | Tổng |
|----|--|--------------|------|------|------|------|-------|
| | | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | |
| 1 | Truyền thông giáo dục pháp luật về ATTP trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, thủy sản | 432 | 432 | 432 | 432 | 432 | 2.160 |
| 2 | Kiểm soát chuỗi ATTP trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, thủy sản | 455 | 455 | 455 | 455 | 455 | 2.275 |

| TT | Nội dung các hoạt động | Năm kinh phí | | | | | Tổng |
|----|---|--------------|--------|--------|------|------|-----------------|
| | | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | |
| 3 | Xây dựng mô hình sản xuất nông, thủy sản theo hướng thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) | 268,85 | 275,85 | 258,85 | | | 803,55 |
| | Tổng cộng: | | | | | | 5.238,55 |

Nguồn vốn thực hiện chương trình: Ngân sách Trung ương từ Chương trình mục tiêu quốc gia về ATTP; ngân sách địa phương và vốn huy động cộng đồng (xã hội hóa) (Chi tiết đính kèm phụ lục 1, 2, 3).

VII. GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành

- Tăng cường sự lãnh đạo của chính quyền các cấp đối với công tác bảo đảm ATTP, xây dựng và hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý ATTP theo đúng phân cấp quản lý của các ngành, địa phương: Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn.

- Hàng năm rà soát kiện toàn Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Trà Vinh phù hợp với từng giai đoạn, nâng cao vai trò của Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo tại địa phương, tổ chức tốt các hoạt động phối hợp liên ngành trong đó ngành Y tế làm đầu mối.

- Xây dựng các văn bản, quy chế phối kết hợp chặt chẽ giữa các ngành nhằm phát huy hiệu quả công tác chủ động kiểm soát chất lượng ATTP theo chuyên môn, lĩnh vực phụ trách.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

- Xây dựng kế hoạch hành động nhằm tổ chức thực hiện có hệ thống và thường xuyên công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật và kiến thức ATTP, nâng cao nhận thức trong cơ quan quản lý nhà nước, toàn thể hệ thống chính trị, các chủ thể tham gia chuỗi cung ứng và sử dụng sản phẩm, bao gồm: Nông dân, ngư dân, diêm dân, chủ trang trại, cơ sở chế biến, giết mổ, đại lý kinh doanh,... và người tiêu dùng.

- Hoạt động ổn định, thường xuyên và định kỳ các chương trình phổ biến, tuyên truyền ATTP (trên ấn phẩm xuất bản; truyền hình; truyền thanh; hội thi,...), thu hút sự tham gia đông đảo của toàn thể lực lượng xã hội (Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, các văn nghệ sĩ,...) để vận động, nâng cao nhận thức ATTP nông, thủy sản.

- Đầu tư kinh phí đối với công tác tuyên truyền vận động, đào tạo nông, ngư dân sản xuất các loại nông, thủy sản sạch, an toàn. Chú trọng tuyên truyền sản xuất, kinh doanh thực phẩm sạch, an toàn ngay từ khâu sản xuất giống, sản

xuất, kinh doanh thức ăn phục vụ chăn nuôi; sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc BVTV, thú y, chế phẩm sinh học, hóa chất phục vụ chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản. Vận động nông dân tham gia các Câu lạc bộ, THT, HTX nông nghiệp.

3. Tăng cường năng lực tổ chức thực thi pháp luật

- Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, phân công, phân cấp và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng, ATTP nông, thủy sản từ tỉnh đến huyện, xã. Phân công nhiệm vụ quản lý chất lượng, ATTP nông, thủy sản tại các Chi cục chuyên ngành thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đảm bảo phù hợp với đối tượng, công đoạn quản lý.

- Hoàn thiện tổ chức, bộ máy lực lượng thanh tra chuyên ngành chất lượng, ATTP nông, thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Phân công, phân cấp nhiệm vụ quản lý, giám sát chất lượng, ATTP nông, thủy sản cho các huyện, thành phố theo loại hình, quy mô sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, thủy sản.

4. Xã hội hóa công tác bảo đảm an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản

- Phát triển, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, liên doanh, liên kết, chuyển giao công nghệ sản xuất, chế biến để tạo ra nguồn nguyên liệu và thực phẩm an toàn cung cấp cho người tiêu dùng.

- Khuyến khích các cơ sở duy trì tốt điều kiện ATTP nông, lâm, thủy sản.

- Tăng cường đầu tư kinh phí cho công tác bảo đảm ATTP nông, lâm, thủy sản. Xã hội hóa, đa dạng các nguồn lực tài chính và từng bước tăng mức đầu tư cho công tác bảo đảm ATTP nông, lâm, thủy sản.

5. Tăng cường hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm pháp luật ATTP

- Thực hiện tốt các chương trình kiểm soát ATTP trong toàn bộ chuỗi sản xuất và cung ứng nông, thủy sản, trước hết đối với những mặt hàng chủ lực phục vụ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

- Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về ATTP trong toàn bộ quá trình cung ứng thực phẩm nông, thủy sản. Đảm bảo duy trì kiểm tra điều kiện ATTP đối với các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm nông, thủy sản.

- Áp dụng chế độ kiểm tra giám sát tăng cường đối với các cơ sở vi phạm. Kịp thời đình chỉ sản xuất, công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, thu hồi Giấy chứng nhận điều kiện sản xuất, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và thu hồi sản phẩm đối với cơ sở vi phạm nghiêm trọng về đảm bảo chất lượng và ATTP.

6. Cơ chế chính sách đầu tư

- Phát triển hệ thống thủy lợi, tưới tiêu cho các vùng trồng cây ăn quả, hoa màu và nuôi trồng thủy sản. Hình thành mạng giao thông lưới đảm bảo lưu thông nông, thủy sản hàng hóa nhanh chóng, thuận tiện và thông suốt, đặc biệt tại các vùng sản xuất tập trung nguyên liệu nông, thủy sản.

- Xây dựng và tổ chức đảm bảo ATTP hệ thống chợ đầu mối, chợ truyền thống trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân áp dụng quy trình sản xuất nông, thủy sản theo hướng GAP, VietGAP, ..., chế biến theo tiêu chuẩn GMP, SSOP, HACCP.

- Điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện chính sách kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, thủy sản tại vùng nông thôn, tạo điều kiện hình thành chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Tham mưu xây dựng chính sách ưu đãi, hỗ trợ phục vụ sản xuất thực phẩm nông, thủy sản an toàn, đặc biệt đối với một số sản phẩm quan trọng có lợi thế, tiềm năng xuất khẩu và phục vụ tiêu thụ nội địa với khối lượng lớn.

- Triển khai thực hiện tốt chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp Sở Nội vụ kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy quản lý chất lượng ATTP nông lâm thủy sản từ tỉnh đến huyện, xã đảm bảo thống nhất, đồng bộ, chặt chẽ và đúng quy định.

- Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch sản xuất nông, thủy sản phù hợp với điều kiện thực tế để nâng cao tính khả thi của từng quy hoạch; hướng dẫn nông dân áp dụng các tiêu chuẩn ATTP nông, thủy sản vào sản xuất; tổ chức tuyên truyền kiến thức pháp luật về ATTP cho nhân dân. Đồng thời, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015 - 2020.

- Thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm về chất lượng, ATTP nông, thủy sản.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch dự toán kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thực hiện Chương trình này.

- Lồng ghép các chương trình, hoạt động vào chiến lược phát triển của ngành, chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh; xây dựng nông thôn mới để thực hiện có hiệu quả Chương trình.

- Chủ động kiểm soát các dịch bệnh trong chăn nuôi gia súc, gia cầm và các sản phẩm nông, thủy sản, cảnh báo các nguy cơ ô nhiễm thực phẩm đối với nhóm sản phẩm thực phẩm do ngành quản lý.

- Định kỳ tổ chức sơ, tổng kết kết quả thực hiện kế hoạch bảo đảm an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phân công Chi cục Quản lý Chất lượng NLTS làm đơn vị đầu mối thực hiện Chương trình này.

2. Sở Y tế

- Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra về ATTP.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về ATTP tại các bếp ăn tập thể, cơ sở kinh doanh ăn uống và thức ăn đường phố, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm nông, thủy sản sử dụng trong chế biến thức ăn đảm bảo ATTP cho người tiêu dùng.

3. Sở Công Thương

- Hỗ trợ xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, quảng bá các sản phẩm nông, thủy sản chất lượng, ATTP, đồng thời kêu gọi các doanh nghiệp tham gia thực hiện chuỗi ATTP trên địa bàn tỉnh nhằm tiêu thụ được tốt sản phẩm nông, thủy sản của tỉnh.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng các chợ gắn liền với công tác quản lý chất lượng, ATTP nông, thủy sản khi đưa vào chợ kinh doanh; xây dựng mô hình chợ thí điểm đảm bảo ATTP nông, thủy sản để nhân rộng.

- Chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ các sản phẩm nông, thủy sản tại các chợ, cửa hàng kinh doanh, siêu thị,... để xử lý theo quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan, rà soát, hướng dẫn các quy định thực hiện việc chứng nhận, công bố hợp chuẩn, hợp quy và các quy định liên quan đến tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và ghi nhãn sản phẩm thực phẩm.

- Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các đề tài nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong quản lý, kiểm soát chất lượng; sản xuất theo hướng đảm bảo ATTP nông, thủy sản tiêu thụ nội địa và xuất khẩu; hỗ trợ các thành phần kinh tế đăng ký nhãn hiệu độc quyền, sở hữu trí tuệ, mã số mã vạch.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho các hoạt động theo ngân sách phân bổ hằng năm. Tích cực huy động các nguồn tài trợ trong và ngoài tỉnh đầu tư công tác bảo đảm ATTP nông, lâm, thủy sản.

6. Sở Tài chính: Tham mưu cân đối phân bổ kinh phí địa phương cho các hoạt động thực hiện kế hoạch, các chương trình, dự án, đề án bảo đảm ATTP nông, lâm, thủy sản.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành liên quan tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về ATTP nông, lâm, thủy sản.

- Chỉ đạo các cơ quan Báo chí, Đài Phát thanh và Truyền hình các cấp từ tỉnh đến xã, các đội thông tin lưu động, hệ thống truyền thanh ở xã, phường dành thời lượng xây dựng các chuyên đề, chuyên mục phù hợp để phổ biến kiến thức, quy định pháp luật và các hoạt động bảo đảm ATTP nông, lâm, thủy sản cho nhân dân.

8. Công an tỉnh

- Phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và thực hành đúng về ATTP của nhân dân, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật thuộc lĩnh vực ATTP trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các lực lượng Công an phối hợp với cơ quan của địa phương kiểm soát ngăn chặn việc vận chuyển, buôn bán các sản phẩm nông, lâm, thủy sản nhập lậu, không đảm bảo ATTP trên địa bàn tỉnh.

9. Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Tỉnh đoàn

- Chủ động, tích cực phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền đến các thành viên trong hội, các tầng lớp nhân dân tham gia vào công tác bảo đảm ATTP nông, lâm, thủy sản;

- Tổ chức các phong trào thi đua, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong các mô hình sản xuất, chế biến thực phẩm an toàn, đặc biệt là các làng nghề, mô hình sản xuất nhỏ, tập trung;

- Tích cực đấu tranh với các hành vi cố ý làm trái các quy định trong sản xuất, sử dụng thực phẩm không đúng quy định trong cộng đồng, làng xã.

10. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Phối hợp với các Sở, ngành tỉnh triển khai thực hiện Chương trình này. Đồng thời, xây dựng Chương trình quản lý chất lượng, ATTP nông, thủy sản của địa phương từ nay đến năm 2020 theo phân cấp quản lý.

- Nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng, chính quyền các cấp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh, chính trị quốc phòng đi liền với công tác ATTP góp phần chăm sóc sức khỏe nhân dân địa phương;

- Đưa các tiêu chí về ATTP nông, lâm, thủy sản vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chủ động đầu tư ngân sách, nhân lực, cơ sở vật chất cho chương trình bảo đảm ATTP nông, lâm, thủy sản, quy hoạch cụ thể các vùng sản xuất an toàn cho lĩnh vực nông nghiệp khi xây dựng nông thôn mới;

- Chỉ đạo, triển khai và kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện các quy định pháp luật về ATTP, đặc biệt các quy định về điều kiện ATTP của các cơ sở cung cấp suất ăn sẵn, nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, thức ăn đường phố, chợ, trường học, nhà máy, các cụm công nghiệp và khu công nghiệp; quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị có cơ sở dịch vụ ăn uống, kiên quyết không để các cơ sở không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cung ứng dịch vụ ăn uống; xử lý nghiêm các vi phạm.

- Triển khai công tác vận động, giáo dục phát động các phong trào bảo đảm ATTP gắn với cuộc vận động xây dựng ấp (khóm), xã (phường, thị trấn) văn hóa ở khu dân cư, nhằm thúc đẩy hình thành hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh, tiêu dùng các sản phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn trong cộng đồng.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) xử lý./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái

